

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ III NĂM 2021

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 3 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 4 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 8 - 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 53 |
| <u>Phụ lục:</u> | |
| Cơ cấu tổ chức tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 | 54 - 63 |
| Giải trình biến động kết quả kinh doanh so với kỳ trước | 64 - 65 |

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 70 được cấp ngày 10 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp. Hoạt động chính của các công ty con trong kỳ được trình bày tại Phụ lục 1.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Phạm Nhật Vượng | Chủ tịch | |
| Bà Phạm Thúy Hằng | Phó chủ tịch | |
| Bà Phạm Thu Hương | Phó chủ tịch | |
| Bà Nguyễn Diệu Linh | Phó chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Việt Quang | Phó chủ tịch | |
| Ông Lê Khắc Hiệp | Phó chủ tịch | miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Adil Ahmad | Thành viên | bỏ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Chin Michael Jaewuk | Thành viên | bỏ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco | Thành viên | bỏ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Park Woncheol | Thành viên | |
| Ông Ling Chung Yee Roy | Thành viên | miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Marc Villiers Townsend | Thành viên | miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thế Anh | Trưởng ban | |
| Bà Nguyễn Hồng Mai | Thành viên | bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021 |
| Bà Đỗ Thị Hồng Vân | Thành viên | |
| Ông Đinh Ngọc Lân | Thành viên | miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021 |

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Việt Quang | Tổng Giám đốc |
| Bà Mai Hương Nội | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Khương | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Dương Thị Hoàn | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Quang.

Bà Mai Hương Nội được Ông Nguyễn Việt Quang ủy quyền ký báo cáo tài chính của Công ty theo Giấy ủy quyền số 009/2021/GUQ-TGD-VINGROUP ngày 12 tháng 7 năm 2021.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho Quý III năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Quý III năm 2021.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc: 

Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------|--|-------------|--------------------|--------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 180.400.355 | 166.013.805 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 21.262.502 | 29.403.688 |
| 111 | 1. Tiền | | 10.100.815 | 9.076.372 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 11.161.687 | 20.327.316 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5 | 7.601.808 | 10.413.625 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 3.625.821 | 5.897.650 |
| 123 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 3.975.987 | 4.515.975 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 83.792.891 | 52.395.927 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 21.264.861 | 16.026.874 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 20.028.857 | 15.346.915 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 14.583.666 | 8.539.910 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 28.310.169 | 12.789.024 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (394.662) | (306.796) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 55.382.094 | 62.495.269 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 57.978.250 | 63.606.541 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (2.596.156) | (1.111.272) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 12.361.060 | 11.305.296 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 1.801.765 | 2.753.060 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 6.206.506 | 4.584.086 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 681.190 | 913.987 |
| 155 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 11 | 3.671.599 | 3.054.163 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------|--|-------------|--------------------|--------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 253.202.280 | 256.489.962 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 1.070.427 | 7.379.649 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 7 | 713.250 | 6.015.000 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 8 | 357.177 | 1.364.649 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 123.390.828 | 125.639.869 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 103.059.490 | 103.813.162 |
| 222 | Nguyên giá | | 127.844.933 | 122.699.550 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (24.785.443) | (18.886.388) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | 20.331.338 | 21.826.707 |
| 228 | Nguyên giá | | 25.877.582 | 24.847.891 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (5.546.244) | (3.021.184) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 14 | 34.584.614 | 34.725.866 |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 42.257.080 | 41.248.115 |
| 232 | 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | (7.672.466) | (6.522.249) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 76.459.340 | 67.921.619 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 15 | 76.459.340 | 67.921.619 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 7.264.511 | 7.413.828 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 16.1 | 221.613 | 2.725.460 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 16.2 | 6.852.073 | 4.576.705 |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (45.470) | (123.532) |
| 255 | 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 16.3 | 236.295 | 235.195 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 10.432.560 | 13.409.131 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 7.256.790 | 8.342.477 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 1.138.972 | 1.545.853 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | 11 | - | 1.032.337 |
| 269 | 4. Lợi thế thương mại | 17 | 2.036.798 | 2.488.464 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 433.602.635 | 422.503.767 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------|--|-------------|--------------------|--------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 269.305.555 | 286.651.052 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 148.238.154 | 169.222.607 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 17.705.522 | 18.511.262 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 18 | 29.008.286 | 37.277.334 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 19 | 8.947.009 | 7.805.236 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 775.018 | 938.186 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 20 | 24.372.731 | 24.674.957 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 21 | 3.736.839 | 4.950.452 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 22 | 31.515.291 | 43.450.189 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 23.1 | 26.628.727 | 25.971.982 |
| 321 | 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 5.548.731 | 5.643.009 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 121.067.401 | 117.428.445 |
| 333 | 1. Chi phí phải trả dài hạn | | 1.194.271 | 1.107.530 |
| 336 | 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 21 | 4.532.823 | 5.320.738 |
| 337 | 3. Phải trả dài hạn khác | 22 | 1.914.053 | 6.257.218 |
| 338 | 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 23.2 | 102.280.509 | 98.309.224 |
| 339 | 5. Trái phiếu hoán đổi | 24 | 9.529.823 | 5.505.646 |
| 341 | 6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 542.435 | 551.776 |
| 342 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | | 1.073.487 | 376.313 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|-------|---|-------------|--------------------|--------------------|
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 164.297.080 | 135.852.715 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 25 | 164.297.080 | 135.852.715 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 38.675.533 | 34.447.691 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 38.052.148 | 33.824.306 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | 623.385 | 623.385 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 40.063.173 | 35.411.957 |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 18.481.872 | 7.235.206 |
| 415 | 4. Cổ phiếu quỹ | | (1.344.123) | (2.284.059) |
| 417 | 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | (192.424) | (42.408) |
| 420 | 6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 77.845 | 67.845 |
| 421 | 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 3.670.170 | 4.359.645 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 4.350.965 | 3.107.392 |
| 421b | - Lỗ/ (Lợi nhuận) sau thuế chưa phân phối kỳ này | | (680.795) | 1.252.253 |
| 429 | 8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 64.865.034 | 56.656.838 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 433.602.635 | 422.503.767 |

Văn Thị Hải Hà
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2021

B02a-DN/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Đơn vị tính: Triệu VND | | | |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------|---|---|
| | | | Quý III năm 2021 | Quý III năm 2020 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 |
| 1 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.1 | 30.116.315 | 35.989.817 | 90.902.514 | 74.812.802 |
| 2 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 26.1 | 4.736 | 76.099 | 54.076 | 171.825 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.1 | 30.111.579 | 35.913.718 | 90.848.438 | 74.640.977 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 27 | 18.413.296 | 29.612.674 | 65.408.680 | 62.939.785 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.2 | 11.698.283 | 6.301.044 | 25.439.758 | 11.701.192 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 28 | 1.536.362 | 4.693.043 | 12.581.927 | 20.371.226 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 28 | 2.814.957 | 3.100.654 | 8.509.922 | 9.302.860 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | | 2.686.664 | 3.003.737 | 8.016.370 | 8.695.044 |
| 24 | 8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 16.1 | (11.522) | (88.276) | (35.910) | (252.093) |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | | 1.280.340 | 2.025.864 | 5.032.069 | 4.832.488 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 5.769.054 | 2.309.420 | 14.661.402 | 7.141.382 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 3.358.772 | 3.469.873 | 9.782.382 | 10.543.595 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 29 | 140.254 | 206.201 | 495.608 | 769.392 |
| 32 | 13. Chi phí khác | 29 | 184.460 | 67.511 | 563.343 | 1.582.465 |
| 40 | 14. Lãi/(lỗ) khác | 29 | (44.206) | 138.690 | (67.735) | (813.073) |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 3.314.566 | 3.608.563 | 9.714.647 | 9.730.522 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 30 | 2.913.077 | 2.808.764 | 7.621.685 | 7.213.571 |
| 52 | 17. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 30 | 144.423 | (635.740) | 366.633 | (320.128) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 257.066 | 1.435.539 | 1.726.329 | 2.837.079 |
| | Trong đó: | | | | | |
| 61 | - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 25 | (351.336) | 1.540.067 | 3.192.589 | 4.024.240 |
| 62 | - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 25 | 608.402 | (104.528) | (1.466.260) | (1.187.161) |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý III năm 2021 | Quý III năm 2020 | Đơn vị tính: VND | |
|-------|------------------------------|-------------|------------------|------------------|---|---|
| | | | | | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 |
| 70 | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | 986 | 1.245 |

Handwritten signature

Vân Thị Hải Hà
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Handwritten signature

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Handwritten mark

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý III năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 |
|-------|---|-------------|---|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | | 9.714.647 | 9.730.522 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 2 | Khấu hao, hao mòn và lãi từ giao dịch mua rẻ | | 10.614.183 | 7.336.285 |
| 3 | Thay đổi các khoản dự phòng | | 1.491.822 | 675.409 |
| 4 | Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá | | (754.101) | 170.617 |
| 5 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (4.001.765) | (12.847.398) |
| 6 | Chi phí lãi vay | | 8.016.370 | 8.695.044 |
| 8 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 25.081.156 | 13.760.479 |
| 9 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | | (19.765.365) | (2.019.091) |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | | 5.264.062 | 7.863.680 |
| 11 | Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (20.201.155) | (1.959.004) |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | 2.320.350 | (441.602) |
| 13 | (Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh | | 2.271.828 | 2.217.886 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (7.434.270) | (7.357.394) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (6.062.660) | (6.170.259) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh | | (18.526.054) | 5.894.695 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (31.549.278) | (19.645.075) |
| 22 | Tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 80.757 | 1.170.825 |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (8.692.670) | (3.855.424) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 8.497.725 | 8.721.181 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về) | | (728.523) | (16.975.911) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ) | | 20.656.432 | 17.491.980 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 688.621 | 535.857 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (11.046.936) | (12.556.567) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

Đơn vị tính: Triệu VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 |
|-------|---|-------------|---|---|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 8.907.176 | 2.387.695 |
| 32 | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (3.800) | (42.980) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 51.241.712 | 40.794.939 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (37.074.377) | (24.628.927) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả | | (1.638.907) | (7.188) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 21.431.804 | 18.503.539 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (8.141.186) | 11.841.666 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 29.403.688 | 18.446.968 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 21.262.502 | 30.288.634 |

Văn Thị Hải Hà
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý III năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 70 được cấp ngày 10 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của các công ty con của Công ty được trình bày tại Phụ lục 1.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn thông thường là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Tập đoàn thông thường là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, Phố Lê Thánh Tôn và 45A, Phố Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có 105 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày tại Phụ lục 1.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tập đoàn sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho Quý III năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Tập đoàn thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Tập đoàn thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Tập đoàn thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Tập đoàn đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, theo đó Tập đoàn kết chuyển phần lãi/lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho*Hàng tồn kho bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ theo các tiêu thức phù hợp.

Hàng tồn kho sản xuất

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và bán thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)***Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho thuộc bộ phận kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch và các dịch vụ liên quan, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị của hàng tồn kho thuộc bộ phận bệnh viện được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, giá trị của hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)**

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Chi phí nghiên cứu và chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định vô hình được ghi nhận ngay là chi phí sản xuất kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- ▶ Tài sản vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng để sử dụng.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.8 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 25 năm |
| Phương tiện vận tải | 3 - 25 năm |
| Thiết bị văn phòng | 2 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 10 năm |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 36 - 48 năm |
| Bản quyền | 3 - 28 năm |
| Các tài sản khác | 3 - 20 năm |

Thời gian khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được căn cứ vào thời hạn của quyền sử dụng đất được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với tài sản vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

| | |
|---|------------|
| Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 3 - 25 năm |

Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận là bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí trước hoạt động, công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một năm.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Khi công cụ vốn được phát hành được cấu thành trong giá phí hợp nhất kinh doanh, giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày trao đổi của các công cụ vốn đó. Trường hợp không có giá công bố đáng tin cậy, thì giá trị hợp lý của công cụ vốn có thể ước tính bằng cách tham chiếu đến giá trị hợp lý của bên mua hoặc tham chiếu đến giá trị hợp lý của doanh nghiệp bị mua, miễn là giá nào có bằng chứng rõ ràng hơn.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Trong trường hợp Tập đoàn mua các công ty con sở hữu dự án bất động sản, tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bất động sản được mua.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)***Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)*

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát cũng được ghi nhận cho giá trị của các tài sản, nợ phải trả được mua. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty mẹ và giao dịch mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ không đánh giá lại khoản đầu tư trước đây mà tiến hành phân bổ giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá phí mua vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Tập đoàn mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi Tập đoàn chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của hai đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ thời điểm hợp nhất; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

3.13 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)***Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Tập đoàn dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành khoản đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn được hạch toán vào công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các khoản dự phòng*Dự phòng chung*

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Tập đoàn cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Tập đoàn đánh giá hợp đồng rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó, chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó. Các chi phí bắt buộc phải trả theo điều khoản của hợp đồng phản ánh chi phí thấp nhất nếu từ bỏ hợp đồng. Mức chi phí đó sẽ thấp hơn mức chi phí để thực hiện hợp đồng, kể cả các khoản bồi thường hoặc đền bù phát sinh do việc không thực hiện được hợp đồng. Tập đoàn ghi nhận và đánh giá nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng rủi ro lớn như một khoản dự phòng và khoản dự phòng được lập riêng biệt cho từng hợp đồng có rủi ro lớn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành

Tập đoàn ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các bất động sản và hàng hóa đã bán trong quá khứ.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Các hợp đồng vay được phòng ngừa rủi ro bởi hợp đồng hoán đổi lãi suất và tỷ giá ("hợp đồng hoán đổi") được đánh giá lại theo tỷ giá của hợp đồng hoán đổi (Thuyết minh số 3.25).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.17 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành cổ phiếu quỹ, Tập đoàn ghi nhận phần chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá thực tế mua lại cổ phiếu vào thặng dư vốn cổ phần.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.19 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản hỗ trợ theo chương trình bán hàng mang tính chất giảm trừ vào doanh thu được ghi giảm vào chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” đối với nhà ở trong tương lai chưa đủ điều kiện ghi nhận là doanh thu trong năm.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu chuyển nhượng các dự án bất động sản thông qua hình thức chuyển nhượng dự án.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Doanh thu cho thuê bất động sản*

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, giáo dục, bệnh viện, quản lý bất động sản và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện và có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ trong gói bán hàng nhiều thành phần

Trong giao dịch Tập đoàn cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng trong cùng một hợp đồng, Tập đoàn xác định các nghĩa vụ bán sản phẩm và nghĩa vụ cung cấp dịch vụ riêng biệt trong hợp đồng đó và chỉ ghi nhận doanh thu khi từng nghĩa vụ riêng biệt được Tập đoàn hoàn thành với khách hàng. Giá trị hợp đồng được phân bổ cho sản phẩm được xác định bằng tổng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị hợp lý ước tính của dịch vụ. Các khoản thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tương ứng với nghĩa vụ chưa được thực hiện sẽ được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước/doanh thu chưa thực hiện trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.22 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.22 Thuế (tiếp theo)*****Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

3.24 Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.25 Hợp đồng hoán đổi lãi suất và tỷ giá

Tập đoàn ký kết các hợp đồng hoán đổi nhằm mục đích giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro biến đổi lãi suất và tỷ giá đến hợp đồng vay. Tập đoàn ghi nhận và đánh giá lại khoản gốc vay và chi phí lãi vay phải trả của hợp đồng vay đã được phòng ngừa rủi ro bởi hợp đồng hoán đổi theo lãi suất và tỷ giá được xác định trong hợp đồng hoán đổi.

3.26 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh ảnh hưởng của cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.27 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Ban Giám đốc cũng xác định hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn là trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

3.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Tiền mặt | 10.193 | 11.396 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.086.453 | 9.058.857 |
| Tiền đang chuyển | 4.169 | 6.119 |
| Các khoản tương đương tiền | 11.161.687 | 20.327.316 |
| TỔNG CỘNG | 21.262.502 | 29.403.688 |

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 4,0%/năm (năm 2020: từ 2,2%/năm đến 4,0%/năm).

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

B09a-DN/HN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | | Đơn vị tính: Triệu VND |
|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý | |
| - Cổ phần | - | - | - | - | Dự phòng |
| - Trái phiếu | 3.625.821 | 3.625.821 | 5.538.327 | 5.538.327 | - |
| TỔNG CỘNG | 3.625.821 | 3.625.821 | 5.538.327 | 5.538.327 | 370.044 |
| | | | 5.897.650 | 5.908.371 | |

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | | Đơn vị tính: Triệu VND |
|--|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | |
| - Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (i) | 3.975.987 | 3.975.987 | 4.515.975 | 4.515.975 | |
| TỔNG CỘNG | 3.975.987 | 3.975.987 | 4.515.975 | 4.515.975 | |

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 3,0% đến 6,5%/năm (năm 2020: từ 5,0%/năm đến 7,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN TỪ KHÁCH HÀNG

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản | 11.803.792 | 8.330.847 |
| Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư | 5.537.452 | 4.524.072 |
| Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan | 1.237.836 | 639.753 |
| Phải thu từ cung cấp dịch vụ khách sạn, vui chơi giải trí và các dịch vụ có liên quan | 326.390 | 254.794 |
| Phải thu từ cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan | 240.620 | 189.219 |
| Phải thu từ hoạt động tổng thầu xây dựng | 240.376 | 460.316 |
| Phải thu từ hoạt động sản xuất | 855.896 | 1.038.603 |
| Phải thu khác | 1.022.499 | 589.270 |
| TỔNG CỘNG | 21.264.861 | 16.026.874 |

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Ngắn hạn: | | |
| Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi | 6.762.000 | 83.650 |
| Các khoản cho vay các đối tác | 7.821.666 | 8.456.260 |
| TỔNG CỘNG | 14.583.666 | 8.539.910 |
| Dài hạn: | | |
| Khoản cho vay các đối tác | 7.475.250 | 6.098.650 |
| <i>Trong đó: các khoản cho vay đến hạn thu hồi</i> | <i>(6.762.000)</i> | <i>(83.650)</i> |
| TỔNG CỘNG | 713.250 | 6.015.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

8. PHẢI THU KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Ngắn hạn: | | |
| Phải thu từ thu chi hộ | 2.209.313 | 3.825.738 |
| Lãi phải thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, đặt cọc và phải thu từ cho vay | 5.063.307 | 3.201.442 |
| Đặt cọc, ký quỹ, ứng vốn cho mục đích đảm bảo phát triển dự án, mở bán căn hộ và thực hiện hợp đồng | 962.389 | 1.024.417 |
| Tạm ứng giải phóng mặt bằng | 11.914.614 | 1.937.081 |
| Phải thu khác | 8.160.546 | 2.800.346 |
| TỔNG CỘNG | 28.310.169 | 12.789.024 |
| Dài hạn: | | |
| Lãi phải thu từ cho vay | 191.268 | 1.230.646 |
| Phải thu khác | 165.909 | 134.003 |
| TỔNG CỘNG | 357.177 | 1.364.649 |

9. HÀNG TỒN KHO

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Bất động sản để bán đang xây dựng | 42.935.235 | 53.496.581 |
| Bất động sản sẵn sàng để bán | 1.065.696 | 839.714 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động sản xuất | 1.242.407 | 1.195.286 |
| Hàng mua đang đi đường | 1.549.533 | 741.030 |
| Nguyên vật liệu | 6.389.853 | 4.186.783 |
| Thành phẩm, hàng hóa từ hoạt động sản xuất | 3.195.130 | 2.109.614 |
| Hàng tồn kho khác | 1.600.396 | 1.037.533 |
| TỔNG CỘNG | 57.978.250 | 63.606.541 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (2.596.156) | (1.111.272) |
| Giá trị thuần của hàng tồn kho | 55.382.094 | 62.495.269 |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Ngắn hạn: | | |
| Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao | 535.949 | 912.572 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 88.641 | 81.087 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp | 188.638 | 296.233 |
| Chi phí phát triển sản phẩm | 408.687 | 750.395 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 579.850 | 712.773 |
| TỔNG CỘNG | 1.801.765 | 2.753.060 |
| Dài hạn: | | |
| Chi phí thuê đất trả trước | 3.321.856 | 3.365.145 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 988.527 | 1.278.260 |
| Chi phí trước hoạt động | 557.585 | 866.288 |
| Trả trước lợi nhuận cam kết theo chương trình quản lý biệt thự và căn hộ | 91.867 | 263.472 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 2.296.955 | 2.569.312 |
| TỔNG CỘNG | 7.256.790 | 8.342.477 |

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

Đây là các khoản đặt cọc cho mục đích phát triển các dự án tiềm năng và nhận chuyển nhượng cổ phần trong các đơn vị khác. Số dư tài sản ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Ngắn hạn: | | |
| Đặt cọc cho mục đích đầu tư | 3.671.599 | 3.054.163 |
| TỔNG CỘNG | 3.671.599 | 3.054.163 |
| Dài hạn: | | |
| Đặt cọc khác | - | 1.032.337 |
| TỔNG CỘNG | - | 1.032.337 |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | | | | | |
|------------------------------------|-------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|-----------|-------------|
| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Khác | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 58.351.460 | 59.050.533 | 2.259.055 | 892.218 | 2.146.284 | 122.699.550 |
| Mua mới | - | 369.615 | 91.198 | 38.370 | 19.190 | 518.373 |
| Xây dựng mới | 3.020.103 | 626.674 | 51.105 | 1.238.171 | 169.176 | 5.105.229 |
| Tặng do mua công ty con | 244.956 | 207.504 | 7.298 | 2.289 | - | 462.047 |
| Phân loại từ Bất động sản đầu tư | 243.407 | 41.951 | - | - | - | 285.358 |
| Thanh lý, nhượng bán | (17.791) | (273.043) | (94.707) | (3.244) | (11.129) | (399.914) |
| Phân loại sang Bất động sản đầu tư | (221.691) | (43.143) | - | - | - | (264.834) |
| Phân loại lại | (262.264) | 1.557.422 | (43.516) | (1.211.535) | (40.107) | - |
| Thay đổi khác | (443.909) | (21.102) | 70.357 | (78.889) | (87.333) | (560.876) |
| Số dư cuối kỳ | 60.914.271 | 61.516.411 | 2.340.790 | 877.380 | 2.196.081 | 127.844.933 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 6.275.033 | 10.813.722 | 629.516 | 337.707 | 830.410 | 18.886.388 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.644.606 | 4.063.450 | 183.673 | 162.874 | 152.756 | 6.207.359 |
| Tặng do mua công ty con | 90 | 21.951 | 690 | 315 | - | 23.046 |
| Phân loại từ Bất động sản đầu tư | 5.397 | 14.451 | - | - | - | 19.848 |
| Thanh lý, nhượng bán | (11.824) | (66.670) | (18.627) | (1.974) | (5.568) | (104.663) |
| Phân loại sang Bất động sản đầu tư | (35.433) | (23.644) | - | - | - | (59.077) |
| Phân loại lại | (155.434) | 212.980 | 7.884 | (70.190) | 4.760 | - |
| Thay đổi khác | (9.512) | (93.497) | 1.323 | (64.853) | (20.919) | (187.458) |
| Số dư cuối kỳ | 7.712.923 | 14.942.743 | 804.459 | 363.879 | 961.439 | 24.785.443 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 52.076.427 | 48.236.811 | 1.629.539 | 554.511 | 1.315.874 | 103.813.162 |
| Số dư cuối kỳ | 53.201.348 | 46.573.668 | 1.536.331 | 513.501 | 1.234.642 | 103.059.490 |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm | Bản quyền và các tài sản cố định vô hình liên quan khác | Tài sản khác | Tổng cộng |
|--------------------------------|-------------------|-----------|---|--------------|------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 438.051 | 3.087.753 | 20.766.944 | 555.143 | 24.847.891 |
| Mua mới | - | 307.366 | - | 6.284 | 313.650 |
| Xây dựng mới | 97.230 | 40.799 | 418.455 | 267.418 | 823.902 |
| Thay đổi khác | (4.969) | (47.194) | 1.470 | (57.168) | (107.861) |
| Số dư cuối kỳ | 530.312 | 3.388.724 | 21.186.869 | 771.677 | 25.877.582 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 95.551 | 828.280 | 1.973.999 | 123.354 | 3.021.184 |
| Hao mòn trong kỳ | 14.086 | 413.637 | 2.112.243 | 90.332 | 2.630.298 |
| Thay đổi khác | - | (20.787) | (3.576) | (80.875) | (105.238) |
| Số dư cuối kỳ | 109.637 | 1.221.130 | 4.082.666 | 132.811 | 5.546.244 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 342.500 | 2.259.473 | 18.792.945 | 431.789 | 21.826.707 |
| Số dư cuối kỳ | 420.675 | 2.167.594 | 17.104.203 | 638.866 | 20.331.338 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: Triệu VND

| | <i>Quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc và thiết bị</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|---|---|--------------------------------|-------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Số dư đầu kỳ | 34.372.227 | 6.875.888 | 41.248.115 |
| Xây dựng mới | 485.159 | 111.469 | 596.628 |
| Tăng do mua công ty con | 524.622 | - | 524.622 |
| Phân loại từ tài sản cố định hữu hình | 221.691 | 43.143 | 264.834 |
| Phân loại sang tài sản cố định hữu hình | (243.407) | (41.951) | (285.358) |
| Thay đổi khác | (194.573) | 102.812 | (91.761) |
| Số dư cuối kỳ | <u>35.165.719</u> | <u>7.091.361</u> | <u>42.257.080</u> |
| Giá trị hao mòn: | | | |
| Số dư đầu kỳ | 4.189.113 | 2.333.136 | 6.522.249 |
| Khấu hao trong kỳ | 691.993 | 420.561 | 1.112.554 |
| Tăng do mua công ty con | 5.047 | - | 5.047 |
| Phân loại từ tài sản cố định hữu hình | 35.433 | 23.644 | 59.077 |
| Phân loại sang tài sản cố định hữu hình | (5.397) | (14.451) | (19.848) |
| Thay đổi khác | 2.235 | (8.848) | (6.613) |
| Số dư cuối kỳ | <u>4.918.424</u> | <u>2.754.042</u> | <u>7.672.466</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số dư đầu kỳ | <u>30.183.114</u> | <u>4.542.752</u> | <u>34.725.866</u> |
| Số dư cuối kỳ | <u>30.247.295</u> | <u>4.337.319</u> | <u>34.584.614</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: Triệu VND

| | <i>Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i> |
|--------------------------------------|--|--|
| Số đầu kỳ | 67.921.619 | 48.057.748 |
| Tăng do mua công ty con | 4.873 | 9.103.431 |
| Tăng trong kỳ | 17.601.067 | 19.004.852 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (5.105.229) | (10.704.353) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (823.902) | (1.307.766) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (596.628) | (1.101.977) |
| Chuyển sang hàng tồn kho | (1.522.518) | (336.749) |
| Giảm khác | (1.019.942) | - |
| Số cuối kỳ | 76.459.340 | 62.715.186 |

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang có số dư chiếm trên 10% tổng số dư như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

| <i>Dự án</i> | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
|-----------------------------------|-------------------|------------------|
| Dự án Vinfast | 15.905.849 | 9.874.017 |
| Dự án Vinhomes Long Beach Cần Giờ | 12.626.099 | 12.539.036 |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

B09a-DN/HN

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

| | Số đầu kỳ | Phân chia lãi/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh | Đầu tư tăng thêm trong kỳ | Khác | Thanh lý đầu tư trong kỳ | Đơn vị tính: Triệu VND Số cuối kỳ |
|---|------------------|--|---------------------------|----------|--------------------------|--------------------------------------|
| Công ty CP Giống vật nuôi Hà Nội | 47.123 | 615 | - | - | - | 47.738 |
| Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast-An Phát | 73.172 | (18.084) | - | - | (55.088) | - |
| Công ty TNHH Sản Xuất Pin Lithium Vinfast | 168.733 | (17.064) | - | - | - | 151.669 |
| Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam | 5.911 | - | - | - | - | 5.911 |
| Công ty TNHH Kinh Doanh Bất Động Sản MV1 Việt Nam | 2.412.849 | - | - | - | (2.412.849) | - |
| Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá Tường Phú | 11.347 | 97 | - | - | - | 11.444 |
| Công ty TNHH Công nghệ VIN-ACE | 6.325 | (1.474) | - | - | - | 4.851 |
| TỔNG CỘNG | 2.725.460 | (35.910) | - | - | (2.467.937) | 221.613 |

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong các công ty liên kết này như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Hoạt động chính |
|-----|---|----------------------|-------------------|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Giống vật nuôi Hà Nội | 37,63 | 26,34 | ▶ Chăn nuôi gia súc |
| 2 | Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam | 27,76 | 18,13 | ▶ In ấn |
| 3 | Công ty TNHH Sản Xuất Pin Lithium Vinfast | 65,00 | 33,49 | ▶ Sản xuất pin và ắc quy |
| 4 | Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá Tường Phú | 40,00 | 25,85 | ▶ Khai thác khoáng sản |
| 5 | Công ty TNHH Công nghệ Vin-ACE | 40,00 | 24,81 | ▶ Sản xuất linh kiện điện tử và thiết bị truyền thông |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021**16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)****16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Tổng Công ty Dệt may Việt Nam | 276.198 | 552.395 |
| Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông | 521.072 | 521.072 |
| Công ty TNHH ĐT kinh doanh Thương mại Phát Lộc | 342.076 | 342.076 |
| Công ty CP kinh doanh Bất động sản MV Việt Nam | 2.179.637 | 2.179.637 |
| Công ty TNHH Kinh Doanh Bất Động Sản MV1 Việt Nam | 2.392.849 | - |
| Công ty CP Kinh doanh bất động sản S-Vin Việt Nam | 363.621 | 363.621 |
| Các khoản đầu tư khác | 776.620 | 617.904 |
| TỔNG CỘNG | 6.852.073 | 4.576.705 |

16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--------------------|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Tiền gửi dài hạn | 1.615 | 515 |
| Trái phiếu dài hạn | 234.680 | 234.680 |
| TỔNG CỘNG | 236.295 | 235.195 |

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: Triệu VND

| | <i>Công ty Nam Hà Nội</i> | <i>Công ty Sài Đông</i> | <i>Công ty Hoàng Gia</i> | <i>Các công ty con khác</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.574.980 | 1.593.734 | 849.893 | 3.725.131 | 7.743.738 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | 93.958 | 93.958 |
| Số dư cuối kỳ | 1.574.980 | 1.593.734 | 849.893 | 3.819.089 | 7.837.696 |
| Phân bổ lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.429.162 | 1.209.087 | 794.202 | 1.822.823 | 5.255.274 |
| Phân bổ trong kỳ | 110.002 | 161.811 | 55.691 | 218.120 | 545.624 |
| Số dư cuối kỳ | 1.539.164 | 1.370.898 | 849.893 | 2.040.943 | 5.800.898 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 145.818 | 384.647 | 55.691 | 1.902.308 | 2.488.464 |
| Số dư cuối kỳ | 35.816 | 222.836 | - | 1.778.146 | 2.036.798 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 chủ yếu bao gồm các khoản người mua trả trước theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn; khoản ứng trước cho mục đích thực hiện hợp đồng xây dựng và người mua trả tiền trước cho các hoạt động kinh doanh khác.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.867.390 | 4.667.342 |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.621.357 | 487.332 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 194.626 | 201.649 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 717.028 | 1.547.094 |
| Thuế và các khoản phải nộp khác | 546.608 | 901.819 |
| TỔNG CỘNG | 8.947.009 | 7.805.236 |

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Chi phí lãi vay trích trước | 1.523.391 | 1.284.898 |
| Chi phí xây dựng trích trước | 15.394.343 | 16.390.002 |
| Chi phí bán hàng trích trước | 2.533.557 | 2.828.011 |
| Lợi nhuận cam kết trích trước theo chương trình quản lý biệt thự và căn hộ | 1.521.767 | 1.089.052 |
| Các khoản chi phí phải trả khác | 3.399.673 | 3.082.994 |
| TỔNG CỘNG | 24.372.731 | 24.674.957 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Ngắn hạn: | | |
| Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động giáo dục | 2.061.789 | 1.453.737 |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý cho thuê biệt thự và căn hộ | 953.515 | 1.156.365 |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý biệt thự và căn hộ | 530.171 | 490.202 |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ khác | 191.364 | 1.850.148 |
| TỔNG CỘNG | 3.736.839 | 4.950.452 |
| Dài hạn: | | |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý cho thuê biệt thự và căn hộ | 3.025.782 | 3.701.397 |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý căn hộ, biệt thự | 1.071.011 | 1.260.367 |
| Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ khác | 436.030 | 358.974 |
| TỔNG CỘNG | 4.532.823 | 5.320.738 |

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**22.1 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Tiền thu từ các hợp đồng đặt cọc, vay vốn và hợp đồng khác liên quan đến các dự án bất động sản | 21.506.733 | 30.156.595 |
| Đặt cọc cho hoạt động đầu tư | 3.350.793 | 5.697.222 |
| Quỹ bảo trì căn hộ | 2.241.399 | 2.297.299 |
| Đặt cọc từ khách hàng thuê phải trả trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh số 22.2) | 496.706 | 599.618 |
| Phải trả khác | 3.919.660 | 4.699.455 |
| TỔNG CỘNG | 31.515.291 | 43.450.189 |

22.2 Các khoản phải trả dài hạn khác

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Các khoản đặt cọc từ khách hàng thuê | 1.345.300 | 1.505.571 |
| Các khoản đặt cọc từ khách hàng thuê phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh số 22.1) | (496.706) | (599.618) |
| Đặt cọc chuyển nhượng dự án bất động sản | - | 3.727.387 |
| Đặt cọc cho hoạt động đầu tư | 519.233 | 1.080.233 |
| Phải trả dài hạn khác | 546.226 | 543.645 |
| TỔNG CỘNG | 1.914.053 | 6.257.218 |

23. VAY VÀ NỢ**23.1 Vay và nợ ngắn hạn**

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Vay ngắn hạn | 6.140.996 | 1.087.885 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 16.127.685 | 10.618.253 |
| Trái phiếu đến hạn trả | 4.360.046 | 14.265.844 |
| TỔNG CỘNG | 26.628.727 | 25.971.982 |

23.2 Vay và nợ dài hạn

| | | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|-----------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|
| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu kỳ</i> |
| Vay dài hạn ngân hàng | 23.2.1 | 2.221.991 | 1.114.801 |
| Khoản vay hợp vốn | 23.2.2 | 43.242.807 | 57.280.008 |
| Trái phiếu phát hành | 23.2.3 | 49.895.711 | 34.594.415 |
| Vay dài hạn khác | | 6.920.000 | 5.320.000 |
| TỔNG CỘNG | | 102.280.509 | 98.309.224 |

23.2.1 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

| <i>Bên cho vay</i> | <i>Số cuối kỳ</i> <i>(Triệu VND)</i> | <i>Ngày đáo hạn</i> |
|--|---|---------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 768.828 | Tháng 12 năm 2024 |
| <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>(79.660)</i> | |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 150.482 | Tháng 04 năm 2023 |
| <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>(90.259)</i> | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 416.600 | Tháng 10 năm 2025 |
| <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>(100.000)</i> | |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 1.156.000 | Tháng 8 năm 2023 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 201.211 | Tháng 6 năm 2022 |
| <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>(201.211)</i> | |
| TỔNG CỘNG | 2.221.991 | |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Vay dài hạn</i> | <i>2.693.121</i> | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>(471.130)</i> | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021**23. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)**23.2 Vay và nợ dài hạn** (tiếp theo)**23.2.2 Các khoản vay hợp vốn**

| Khoản vay | Nguyên tệ | Số cuối kỳ (Triệu VND) | Ngày đáo hạn |
|--------------------------------------|-----------|---------------------------|-------------------|
| Khoản vay hợp vốn 1 | USD | 16.163.928 | Tháng 9 năm 2030 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(2.123.559)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn 2 | USD | 7.053.893 | Tháng 4 năm 2023 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(1.613.360)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn 4 | USD | 8.378.923 | Tháng 3 năm 2022 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(8.378.923)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn 5 | USD | 6.993.940 | Tháng 11 năm 2024 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(1.079.033)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn 6 | USD | 6.149.105 | Tháng 11 năm 2024 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(935.676)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn 7 | VND | 5.443.792 | Tháng 12 năm 2027 |
| <i>Trong đó: dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(876.000)</i> | |
| Khoản vay hợp vốn số 9 | USD | 8.065.777 | Tháng 2 năm 2026 |
| TỔNG CỘNG | | <u>43.242.807</u> | |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Vay dài hạn</i> | | <i>58.249.358</i> | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | | <i>(15.006.551)</i> | |

Chi tiết lãi suất các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| Khoản vay | Nguyên tệ | Lãi suất |
|---|-----------|--|
| Khoản vay có tài sản đảm bảo | VND | Lãi suất thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 7,6%/năm đến 10,5%/năm |
| Khoản vay không có tài sản đảm bảo | VND | Lãi suất cố định 9,0%/năm |
| Khoản vay có tài sản đảm bảo và không có hợp đồng hoán đổi lãi suất | USD | Lãi suất thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 2,49% đến 7,02%/năm |
| Khoản vay có tài sản đảm bảo và có lãi suất thả nổi được hoán đổi thành lãi suất cố định (đồng thời có tỷ giá giao dịch cố định) theo hợp đồng hoán đổi | USD | Lãi suất cố định theo hợp đồng hoán đổi từ 5,57%/năm đến 9,96%/năm |

23. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**23.2 Vay và nợ dài hạn** (tiếp theo)**23.2.3 Trái phiếu phát hành**

| <i>Đơn vị tư vấn phát hành</i> | <i>Số cuối kỳ</i> <i>(Triệu VND)</i> | <i>Kỳ hạn</i> | <i>Lãi suất</i> |
|--|---|---------------------------|---|
| Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương <i>Trong đó: Trái phiếu đến hạn trả</i> | 41.569.326 <i>(4.360.045)</i> | Từ 18 tháng đến 10 năm | Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 3,25% đến 4,5%/năm; lãi suất cố định 8,5%/năm |
| Credit Suisse Singapore Limited, The HongKong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore) và Morgan Stanley Asia (Singapore) PTE | 11.191.371 | 5 năm | Lãi suất cố định 3%/năm |
| Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam | 1.495.059 | 3 năm | Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ từ 2,3% đến 3,3%/năm |
| TỔNG CỘNG | <u>49.895.711</u> | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Trái phiếu dài hạn</i> | <i>54.255.756</i> | | |
| <i>Trái phiếu đến hạn trả</i> | <i>(4.360.045)</i> | | |

Tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ vay nợ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 không thay đổi so với thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 ngoại trừ 37.077.198 cổ phiếu của Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay đã được giải chấp.

24. TRÁI PHIẾU HOÁN ĐỔI

Trái phiếu hoán đổi có giá trị 425 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 9 năm 2021 với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không có tài sản đảm bảo và có lãi suất cố định 3,25%/năm. Các trái chủ có quyền hoán đổi trái phiếu này sang cổ phiếu của Công ty.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|--|---|--------------|
| | Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát | Tổng cộng |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2020 | | |
| Số đầu kỳ | 33.996.368 | 3.419.758 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | - | 4.024.240 |
| - Tăng vốn trong kỳ | 1.450.622 | - |
| - Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | - | - |
| - Mua công ty con mới | - | - |
| - Thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất kiểm soát | - | - |
| - Bán công ty con | - | 79.601 |
| - Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát | - | - |
| - Thay đổi khác | - | - |
| Số cuối kỳ | 35.446.990 | 7.211.234 |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2021 | | |
| Số đầu kỳ | 35.411.957 | 4.359.645 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | - | 3.192.589 |
| - Hoán đổi trái phiếu | 4.408.638 | - |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu | - | (15.474.508) |
| - Mua công ty con mới | - | - |
| - Bán công ty con | - | - |
| - Thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất kiểm soát | 242.578 | 11.601.125 |
| - Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | - | - |
| - Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát | - | - |
| - Thay đổi khác | - | - |
| Số cuối kỳ | 40.063.173 | 3.670.170 |
| Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu | | |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2020 | | |
| Số đầu kỳ | 52.845 | 7.235.206 |
| - Cổ phiếu quỹ | (2.284.059) | - |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 52.845 | - |
| - Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu | 7.235.206 | - |
| - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | (11.784) | - |
| - Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế | 3.419.758 | - |
| - Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát | (1.187.161) | - |
| Số cuối kỳ | 67.845 | 7.235.206 |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2021 | | |
| Số đầu kỳ | 67.845 | 7.235.206 |
| - Cổ phiếu quỹ | (2.284.059) | - |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 67.845 | - |
| - Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu | 7.235.206 | - |
| - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | (42.408) | - |
| - Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế | 3.192.589 | - |
| - Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát | (1.466.260) | - |
| Số cuối kỳ | 77.845 | 7.235.206 |
| Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát | | |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2020 | | |
| Số đầu kỳ | 44.171.115 | 120.588.589 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | (1.187.161) | 2.837.079 |
| - Tăng vốn trong kỳ | - | 1.589.173 |
| - Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | 2.373.832 | 2.373.832 |
| - Mua công ty con mới | (19.412) | (19.412) |
| - Thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất kiểm soát | - | - |
| - Bán công ty con | - | - |
| - Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát | (2.823.720) | (2.744.119) |
| - Thay đổi khác | (6.137) | (6.137) |
| Số cuối kỳ | 42.455.716 | 124.551.607 |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng 9 năm 2021 | | |
| Số đầu kỳ | 42.455.716 | 124.551.607 |
| - Lợi nhuận trong kỳ | 56.656.838 | 136.852.715 |
| - Tăng vốn trong kỳ | (1.466.260) | 1.726.329 |
| - Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | 84.998 | 5.433.972 |
| - Mua công ty con mới | - | - |
| - Bán công ty con | - | 159.903 |
| - Thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất kiểm soát | - | 376.545 |
| - Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát | - | - |
| - Thay đổi khác | - | - |
| Số cuối kỳ | 64.866.034 | 164.297.080 |

26. DOANH THU**26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--|-------------------------------|-------------------------|
| | <i>Quý III năm 2021</i> | <i>Quý III năm 2020</i> |
| Tổng doanh thu | 30.116.315 | 35.989.817 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i> | <i>19.626.276</i> | <i>25.958.003</i> |
| <i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i> | <i>971.726</i> | <i>1.786.201</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan</i> | <i>642.961</i> | <i>1.207.641</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan</i> | <i>558.251</i> | <i>676.087</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp hoạt động giáo dục và các dịch vụ liên quan</i> | <i>219.145</i> | <i>549.389</i> |
| <i>Doanh thu hoạt động sản xuất</i> | <i>3.553.211</i> | <i>4.842.944</i> |
| <i>Doanh thu khác</i> | <i>4.544.745</i> | <i>969.552</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (4.736) | (76.099) |
| Doanh thu thuần | 30.111.579 | 35.913.718 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i> | <i>19.626.276</i> | <i>25.958.003</i> |
| <i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i> | <i>971.726</i> | <i>1.786.201</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan</i> | <i>644.086</i> | <i>1.206.388</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan</i> | <i>558.251</i> | <i>676.087</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp hoạt động giáo dục và các dịch vụ liên quan</i> | <i>219.145</i> | <i>549.389</i> |
| <i>Doanh thu hoạt động sản xuất</i> | <i>3.550.400</i> | <i>4.768.098</i> |
| <i>Doanh thu khác</i> | <i>4.541.695</i> | <i>969.552</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|---|------------------------|------------------|
| | Quý III năm 2021 | Quý III năm 2020 |
| Lãi tiền gửi, cho vay và các khoản đặt cọc | 911.385 | 590.363 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 587.505 | 153.637 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính và chuyển nhượng công ty con | - | 3.887.783 |
| Thu nhập tài chính khác | 37.312 | 61.260 |
| TỔNG CỘNG | 1.536.362 | 4.693.043 |

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|---|------------------------|-------------------|
| | Quý III năm 2021 | Quý III năm 2020 |
| Giá vốn bất động sản chuyển nhượng | 4.343.452 | 16.740.755 |
| Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan | 541.596 | 810.540 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan | 1.769.174 | 2.772.346 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan | 682.655 | 687.092 |
| Giá vốn cung cấp hoạt động giáo dục và các dịch vụ liên quan | 478.443 | 512.184 |
| Giá vốn hoạt động sản xuất | 6.257.992 | 7.279.595 |
| Giá vốn khác | 4.339.984 | 810.162 |
| TỔNG CỘNG | 18.413.296 | 29.612.674 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| | <i>Quý III năm 2021</i> | <i>Quý III năm 2020</i> |
| Chi phí lãi vay | 2.166.076 | 2.817.726 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 520.588 | 186.002 |
| Chi phí tài chính khác | 128.293 | 96.926 |
| TỔNG CỘNG | 2.814.957 | 3.100.654 |

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| | <i>Quý III năm 2021</i> | <i>Quý III năm 2020</i> |
| Thu nhập khác | 140.254 | 206.201 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 2.455 | 14.355 |
| Thu nhập từ phạt hợp đồng | 89.097 | 87.130 |
| Thu nhập khác | 48.702 | 104.716 |
| Chi phí khác | 184.460 | 67.511 |
| Lỗ từ thanh lý tài sản cố định | 20.329 | - |
| Chi phí phạt hợp đồng và phạt khác | 108.789 | 28.256 |
| Chi phí khác | 55.342 | 39.255 |
| GIÁ TRỊ THUẦN | (44.206) | 138.690 |

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: Triệu VND</i> | |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| | <i>Quý III năm 2021</i> | <i>Quý III năm 2020</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.913.077 | 2.808.764 |
| Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 144.423 | (635.740) |
| TỔNG CỘNG | 3.057.500 | 2.173.024 |

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số tiền Triệu VND</i> |
|---|--|--|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam | Cùng chủ sở hữu | Phải thu góp vốn | 2.025.059 |
| | | Mua dịch vụ thuê văn phòng, khách sạn và ăn ca | 191.104 |
| | | Trả tiền mua dịch vụ thuê văn phòng, khách sạn và ăn ca | 224.558 |
| | | Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 99.142 |
| | | Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 101.388 |
| Quý Thiện Tâm | Cùng chủ sở hữu | Hoàn tạm ứng | 310.757 |
| Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast-An Phát | Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Chi phí mua hàng | 60.327 |
| Công Ty TNHH Sản Xuất Pin Lithium Vinfast | Công ty liên doanh | Trả tiền mua hàng | 73.246 |
| | | Mua hàng | 186.215 |
| Các cá nhân | Các cổ đông lớn và thành viên mật thiết trong gia đình | Trả tiền mua hàng | 201.298 |
| | | Thu tiền từ chi hộ góp vốn | 3.564.495 |
| | Thành viên mật thiết trong gia đình của cổ đông lớn | Thù lao từ chi hộ góp vốn | 53.620 |
| | | Thanh toán cho giao dịch hợp nhất kinh doanh | 314.040 |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ, Tập đoàn cung cấp và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường, đồng thời không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2020: không). Việc đánh giá này được thực hiện hàng kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Các khoản phải thu và phải trả lớn với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số tiền Triệu VND</i> |
|--|--------------------|--|------------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | |
| Quý Thiện Tâm | Cùng chủ sở hữu | Phải thu từ cung cấp hàng hóa dịch vụ | 15.636 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam | Cùng chủ sở hữu | Phải thu từ cung cấp hàng hóa dịch vụ | 7.374 |
| Công Ty TNHH Sản Xuất Pin Lithium Vinfast | Công ty liên doanh | Phải thu từ cung cấp hàng hóa dịch vụ | 16.298 |
| | | | 39.308 |
| Phải trả người bán | | | |
| Công Ty TNHH Sản Xuất Pin Lithium Vinfast | Công ty liên doanh | Phải trả hàng hóa và dịch vụ | 27.198 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam | Cùng chủ sở hữu | Phải trả hàng hóa và dịch vụ | 6.943 |
| | | | 34.141 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Tập đoàn đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 ước tính là 22.835 tỷ VND.

Tập đoàn cũng có các cam kết xây dựng Dự án tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 (đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, Hà Nội), Dự án Khu công viên và Hồ điều hòa (khu vực phía Bắc và mở rộng phía Nam nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội) và Dự án Khu công viên và hồ điều hòa (tại lô đất CV1, Khu đô thị Cầu Giấy, Hà Nội) theo các hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) được ký kết với một số cơ quan Nhà nước.

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn, là bên cho thuê, cho thuê văn phòng, quầy hàng và không gian đa chức năng theo thoả thuận cho thuê. Số tiền thuê tối thiểu theo các thoả thuận này vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|------------------|-----------------------------|---------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Đến 1 năm | 5.044.656 | 4.976.736 |
| Trên 1 đến 5 năm | 9.297.064 | 9.367.538 |
| Trên 5 năm | 7.299.491 | 7.583.218 |
| TỔNG CỘNG | 21.641.211 | 21.927.492 |

Theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký trong tháng 2 năm 2012 giữa các công ty trong Tập đoàn và Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hương (“Công ty Thiên Hương”) về việc khai thác cấu phần trường học thuộc Dự án khu đô thị Vinhomes Riverside và Dự án Vinhomes Royal City, Tập đoàn sẽ được nhận phần chia doanh thu của Công ty Thiên Hương được tính bằng 15% doanh thu và có thể điều chỉnh theo thoả thuận. Thời hạn thực hiện các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này là từ tháng 2 năm 2012 đến hết tháng 8 năm 2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|------------------|--------------------------|----------------------|
| | Ngày 30 tháng 9 năm 2021 | Ngày 31 tháng 12 năm |
| Đến 1 năm | 266.297 | 248.691 |
| Trên 1 đến 5 năm | 1.269.013 | 1.202.476 |
| Trên 5 năm | 14.006.265 | 14.208.651 |
| TỔNG CỘNG | 15.541.575 | 15.659.818 |

Các cam kết khác

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt.

Cam kết theo hợp đồng mua cổ phần công ty TNHH TTTC Berjaya

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa giữa Công ty Vinhomes, công ty con, với một đối tác doanh nghiệp ký ngày 25 tháng 5 năm 2018, Công ty Vinhomes và Công ty Cần Giờ cam kết mua lại 32,5% vốn điều lệ của công ty TNHH TTTC Berjaya. Khoản cam kết còn lại mà Công ty Vinhomes phải chi trả theo hợp đồng này tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 503,7 tỷ VND.

Cam kết đặt cọc nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong dự án bất động sản

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2019, Công ty Metropolis Hà Nội, công ty con, đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và phát triển một dự án bất động sản với một số đối tác doanh nghiệp. Theo đó, Công ty Metropolis Hà Nội đã đặt cọc cho một đối tác doanh nghiệp để nhận quyền chọn mua phần vốn góp của công ty này trong dự án. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, khoản cam kết còn lại mà Công ty phải chi trả theo Hợp đồng này là 172,5 tỷ VND.

Cam kết theo hợp đồng hợp tác kinh doanh cho một dự án bất động sản tiềm năng tại Hà Nội

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty Hoàng Gia và một đối tác doanh nghiệp. Công ty Hoàng Gia cam kết sẽ góp 100% vốn đầu tư cho một dự án bất động sản tiềm năng tại Hà Nội. Tổng giá trị vốn đầu tư ước tính là 790 tỷ VND. Khoản vốn đầu tư cam kết của Công ty Hoàng Gia tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 782 tỷ VND.

Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho một khoản trái phiếu của Công ty Du lịch Phú Quốc

Theo các thỏa thuận bảo lãnh giữa Công ty Du lịch Phú Quốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và Công ty Vinpearl, một công ty con, Công ty Vinpearl cam kết bảo lãnh các nghĩa vụ thanh toán của Công ty Du lịch Phú Quốc liên quan tới một số khoản trái phiếu có tài sản đảm bảo được phát hành bởi công ty này.

Cam kết liên quan đến các Hợp đồng hạn mức tín dụng phát sinh trong tương lai

Theo một số Hợp đồng hạn mức tín dụng giữa Tập đoàn và các công ty con với các ngân hàng thương mại, Tập đoàn cam kết sử dụng một số tài sản là hàng tồn kho và một số cổ phiếu của công ty con nắm giữ bởi Công ty mẹ làm tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và đi thuê của Công ty Vincom Retail Miền

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng thuê một số trung tâm thương mại giữa Công ty Vincom Retail Miền Nam, công ty con, và các đối tác doanh nghiệp tại Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Vincom Retail Miền Nam cam kết bàn giao lại cho bên cho thuê hoặc bên tham gia hợp tác kinh doanh công trình kiến trúc xây dựng và các trang thiết bị cố định gắn liền với các cấu trúc hiện hữu mà không đưa ra thêm bất cứ điều kiện nào sau khi kết thúc thời gian hợp đồng.

Cam kết liên quan đến việc chuyển nhượng một phần tòa nhà Vincom Bà Triệu A&B

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2006, Công ty đã chuyển nhượng một phần tài sản thuộc tòa nhà Vincom City Towers cho một đối tác doanh nghiệp. Theo Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, Tập đoàn cũng cam kết chuyển giao các bất động sản đầu tư sau cho đối tác doanh nghiệp này vào ngày 20 tháng 7 năm 2052:

- (i) Quyền sở hữu ½ khu vực thương mại (từ tầng 1 đến tầng 6 tòa nhà Vincom City Towers (“tòa nhà”) không bao gồm khu lễ tân và khu thang máy tầng 1 có diện tích là 160 m²); và
- (ii) Quyền sở hữu ½ tầng hầm B1, B2 của tòa nhà.

Cam kết theo các thỏa thuận hỗ trợ lãi suất cho khách mua căn hộ, biệt thự tại một số Dự án của Tập đoàn

Tập đoàn đã ký kết các thỏa thuận thỏa thuận ba (3) bên với các khách hàng mua bất động sản tại một số dự án bất động sản và một số ngân hàng cho các khách hàng mua bất động sản này vay để thanh toán tiền mua bất động sản tại các dự án này. Theo các thỏa thuận này, Tập đoàn sẽ hỗ trợ chi trả một phần lãi suất theo các hợp đồng tín dụng giữa khách hàng và ngân hàng trong thời hạn quy định bởi thỏa thuận.

Cam kết liên quan đến chương trình dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản

Tập đoàn đã cung cấp các dịch vụ quản lý và cho thuê biệt thự cho khách hàng mua biệt thự, căn hộ khách sạn tại các dự án bất động sản biệt thự và căn hộ khách sạn của Công ty Vinpearl và Công ty Vincom Retail Miền Nam. Theo đó, trong vòng 10 năm đầu tiên kể từ ngày biệt thự được bàn giao và trong vòng 5 năm đầu tiên kể từ ngày căn hộ khách sạn được bàn giao, khách hàng được chủ đầu tư cam kết thanh toán phần thu nhập cho thuê các bất động sản này theo thỏa thuận đã được ký kết với khách hàng.

Cam kết liên quan đến sản lượng mua hàng

Công ty VinFast đã ký các hợp đồng với một số nhà cung cấp và cam kết sản lượng mua tối thiểu cần đạt. Cụ thể, Công ty VinFast cam kết rằng sản lượng mua hàng năm/trong một giai đoạn từ các nhà cung cấp này không thấp hơn số lượng mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký hoặc tài liệu kèm theo.

Cam kết liên quan đến thành viên không kiểm soát của một công ty con

Theo thỏa thuận giữa hai thành viên góp vốn của một công ty con trong Tập đoàn, thành viên không kiểm soát có quyền góp vốn tương ứng tỷ lệ 15% vốn cùng các quyền, nghĩa vụ liên quan trong công ty con này.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Kinh doanh chuyển nhượng bất động sản: bao gồm hoạt động chuyển nhượng các hạng mục xây dựng để bán tại các dự án bất động sản của Tập đoàn cũng như các hoạt động đầu tư bất động sản khác;
- Kinh doanh cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ/biệt thự và cung cấp các dịch vụ liên quan tại các bất động sản đầu tư của Tập đoàn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ khách sạn và các khu nghỉ dưỡng, cho thuê nhà hàng, khách sạn, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan;
- Hoạt động y tế và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh và các dịch vụ liên quan khác tại hệ thống Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec;
- Hoạt động giáo dục và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan tại hệ thống giáo dục Vinschool và Đại học VinUni của Tập đoàn;
- Hoạt động sản xuất: bao gồm hoạt động sản xuất và kinh doanh ô tô, xe máy, điện thoại, tivi và một số sản phẩm và dịch vụ liên quan khác; và
- Các hoạt động kinh doanh khác: bao gồm hoạt động xây dựng, công nghệ, các dịch vụ và bán hàng hóa khác.

Tập đoàn theo dõi kết quả hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận kinh doanh cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Tập đoàn (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý III năm 2021

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 như sau:

| | Kinh doanh chuyên nhượng bất động sản | Kinh doanh cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ liên quan | Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan | Hoạt động y tế và các dịch vụ liên quan | Hoạt động giáo dục và các dịch vụ liên quan | Hoạt động sản xuất và các dịch vụ liên quan | Hoạt động kinh doanh khác | Điều chỉnh và loại trừ | Đơn vị tính: Triệu VND | |
|---|---------------------------------------|--|--|---|---|---|---------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|
| | | | | | | | | | | Tổng cộng |
| Doanh thu thuần | | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần cho bên thứ ba | 56.351.102 | 4.355.143 | 2.526.516 | 1.868.712 | 1.489.132 | 12.864.278 | 11.393.555 | - | - | 90.848.438 |
| Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1) | - | 390.886 | 418.205 | 47.004 | 1.628 | 436.773 | 4.515.873 | (5.810.369) | - | - |
| Tổng doanh thu thuần | 56.351.102 | 4.746.029 | 2.944.721 | 1.915.716 | 1.490.760 | 13.301.051 | 15.909.428 | (5.810.369) | - | 90.848.438 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | | | | | |
| Khấu hao và hao mòn | 449.679 | 1.438.544 | 2.107.422 | 419.571 | 257.046 | 5.411.074 | 530.847 | - | - | 10.614.183 |
| Phần được chia từ (lỗ)/lãi của công ty liên kết và liên doanh | - | - | - | - | - | (36.622) | 712 | - | - | (35.910) |
| Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận | 27.199.011 | 1.909.891 | (7.218.255) | (1.051.776) | (347.319) | (15.079.021) | 297.846 | - | - | 5.710.377 |
| Thu nhập thuần không phân bổ (2) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 4.004.270 |
| Tài sản và công nợ | | | | | | | | | | |
| Tài sản theo bộ phận | 137.538.463 | 48.320.612 | 53.979.733 | 9.301.771 | 9.347.415 | 111.048.855 | 10.540.557 | (1.569.756) | - | 378.507.650 |
| Tài sản không phân bổ (3) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 55.094.985 |
| Tổng nợ phải trả theo bộ phận | 82.802.835 | 3.282.282 | 11.839.267 | 875.363 | 2.931.268 | 11.974.394 | 3.191.996 | (1.569.756) | - | 115.327.649 |
| Tổng nợ phải trả không phân bổ (4) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 153.977.906 |
| Các thông tin bộ phận khác | | | | | | | | | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | - | - | - | - | - | 156.520 | 65.093 | - | - | 221.613 |
| Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm | 4.303.278 | 1.510.172 | 1.432.954 | 158.758 | 365.662 | 9.439.207 | 1.725.708 | - | - | 18.935.739 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)


1. Doanh thu nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí khác.
3. Tài sản của từng bộ phận không bao gồm lợi thế thương mại, tài sản thuế thu nhập hoãn lại, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản cho vay dài hạn, lãi vay phải thu, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, thuế và các khoản phải thu Nhà nước vì những tài sản này được quản lý tập trung.
4. Nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm các khoản vay chịu lãi dài hạn, trái phiếu chuyển đổi, thuế phải trả Nhà nước, các khoản vay ngắn hạn, các khoản chi phí lãi vay phải trả và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.



Văn Thị Hải Hà
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Mai Hương Nội
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|--|-----------------------------|--------------------------|---|---|
| 1 | Công ty CP Vincom Retail | 60,33% | 60,30% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 2 | Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam | 100,00% | 60,30% | 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM, Việt Nam | Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 3 | Công ty TNHH Vận hành Vincom Retail | 100,00% | 60,30% | Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 4 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa | 97,27% | 58,66% | Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, P. Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cho thuê mặt bằng, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 5 | Công ty CP Vinhomes | 69,34% | 69,28% | Toà nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản Cho thuê văn phòng, căn hộ và cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản Xây dựng nhà và các công trình dân dụng |
| 6 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia | 97,85% | 67,82% | Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 7 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng | 100,00% | 72,26% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 8 | Công ty CP Bất động sản Xavincó | 96,44% | 96,12% | 191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 9 | Công ty TNHH Xaivico | 74,00% | 71,13% | Số 233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long | 73,00% | 69,93% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <i>STT</i> | <i>Tên công ty</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i> | <i>Tru sở chính</i> | <i>Ngành nghề</i> |
|------------|--|---------------------------------|------------------------------|--|---|
| 11 | Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam | 87,97% | 86,69% | Số 148 đường Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 12 | Công ty TNHH Metropolis Hà Nội | 100,00% | 69,28% | Lô đất HH, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 13 | Công ty CP sách Việt Nam | 65,33% | 65,33% | Số 44 phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Xuất bản sách |
| 14 | Công ty CP đồ thị du lịch Cần Giờ | 99,89% | 69,19% | Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 15 | Công ty TNHH phát triển công viên trung tâm | 100,00% | 72,26% | P900, Tầng 9, Tòa nhà IPH, Số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 16 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sinh Thái | 100,00% | 69,20% | Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 17 | Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Gia Lâm | 99,39% | 68,77% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 18 | Công ty CP tư vấn đầu tư và đầu tư Việt Nam | 70,00% | 48,45% | Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 19 | Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long | 90,00% | 62,35% | Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 20 | Công ty TNHH Đô Thị Đại Học Quốc tế Berjaya Việt Nam | 97,90% | 67,74% | Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 21 | Công ty CP Đầu tư và phát triển Làng Ván | 100,00% | 69,17% | Số 07, đường Trường Sa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỐ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Tru sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|--|-----------------------------|--------------------------|---|---|
| 22 | Công ty TNHH trung tâm tài chính Việt Nam Berjaya | 67,50% | 46,70% | Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 23 | Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại | 100,00% | 69,28% | 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 24 | Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Phát Triển Thiên Niên Kỳ | 100,00% | 69,28% | Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 25 | Công ty CP đầu tư xây dựng Thái Sơn | 100,00% | 69,19% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 26 | Công ty CP Phát triển GS Củ Chi | 100,00% | 69,21% | Tầng 20A, TTTM Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 27 | Công ty CP Phát triển Thành phố Xanh | 100,00% | 72,32% | 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 28 | Công ty CP Delta | 100,00% | 71,32% | 110 Đặng Công Bình, ấp 6, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 29 | Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Vinhomes | 100,00% | 70,70% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 30 | Công ty CP Đầu tư xây dựng Đại An | 100,00% | 72,26% | Quốc lộ 5A, thôn Đình Dù, Xã Đình Dù, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 31 | Công ty CP Kinh doanh Thương mại SADO | 100,00% | 99,93% | Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động tư vấn, đầu tư |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Nghành nghề</u> |
|------------|---|-----------------------------|--------------------------|---|--|
| 32 | Công ty CP Du lịch Hòn Một | 100,00% | 69,78% | Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn |
| 33 | Công ty CP Đầu tư Cam Ranh | 100,00% | 85,26% | Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn |
| 34 | Công ty CP đầu tư và phát triển Newco | 100,00% | 69,78% | 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 35 | Công ty CP Vinpearl | 97,73% | 97,68% | Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn |
| 36 | Công ty CP Vinpearl Invest | 70,00% | 70,00% | Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 37 | Công ty CP Cảng Nha Trang | 98,81% | 69,17% | 05 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Bốc xếp hàng hóa, cho thuê kho bãi |
| 38 | Công ty TNHH Làng Hoa Thủy Khuê | 69,99% | 35,00% | Số 14, đường Thủy Khuê, Phường Thủy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 39 | Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix | 100,00% | 100,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tổ chức, xúc tiến các sự kiện, triển lãm, hội nghị, hội thảo |
| 40 | Công ty CP thương mại và đầu tư phát triển Nguyễn Phú | 100,00% | 97,20% | Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 41 | Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Du Lịch Phúc An | 100,00% | 97,70% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|---|---------------------------------|------------------------------|--|------------------------------------|
| 42 | Công ty TNHH Vinpearl Travel | 100,00% | 70,00% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đại lý du lịch |
| 43 | Công ty TNHH Vinpearl Travel Ru | 100,00% | 51,68% | Tòa nhà Ne 24, Timur Frunze St., Moscow, Nga | Đại lý du lịch |
| 44 | Công ty TNHH Vinpearl Australia | 100,00% | 70,00% | 234 Balaclava Road, Caulfield North 3161, Melbourne, Victoria, Australia | Dịch vụ lưu trú, đại lý du lịch |
| 45 | Công ty TNHH Cape Wickham Golf Links | 100,00% | 70,00% | 1 Cape Wickham Road, Wickham, TAS 7256, Australia | Quản lý sân Golf |
| 46 | Công ty CP One Mount Group | 51,22% | 51,22% | Tầng 5, Tòa văn phòng T26, khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa |
| 47 | Công ty CP One Mount Consumer | 99,95% | 51,22% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động trung gian tiền tệ khác |
| 48 | Công ty CP VinID Pay | 100,00% | 54,02% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động trung gian tiền tệ khác |
| 49 | Công ty CP One Mount Distribution | 99,90% | 51,17% | Tầng 3, Tòa văn phòng T26, khu đô thị Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Kho bãi, lưu trữ hàng hóa |
| 50 | Công ty CP One Mount Real Estate | 99,90% | 51,17% | Tầng 1, Tòa văn phòng T26, KĐT Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Kinh doanh bất động sản |
| 51 | Công ty CP Đầu tư Kinh doanh VMC Holding | 75,00% | 74,85% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động tư vấn quản lý |
| 52 | Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec | 100,00% | 74,85% | Số 458, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung cấp các dịch vụ bệnh viện |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|---|---------------------------------|------------------------------|--|--|
| 53 | Công ty TNHH Một thành viên Vinschool | 100,00% | 100,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung cấp dịch vụ giáo dục |
| 54 | Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy | 100,00% | 99,61% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung cấp dịch vụ giáo dục |
| 55 | Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom | 100,00% | 100,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Kinh doanh dịch vụ bảo vệ |
| 56 | Công ty TNHH dịch vụ vận tải sinh thái VinBus | 100,00% | 100,00% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Dịch vụ vận tải hành khách |
| 57 | Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh VINFAST | 51,52% | 51,52% | Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Sản xuất xe có động cơ |
| 58 | Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast | 99,50% | 51,26% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Bán lẻ ô tô con |
| 59 | Công ty CP Kinh doanh dịch vụ Smart Solution | 100,00% | 99,85% | L1-A1, TTTM Vincom Mega Mall Ocean Park, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Bán lẻ ô tô con |
| 60 | Công ty TNHH Vinfast Germany | 100,00% | 51,52% | 106 ResCowork04, Frankfurt, Alte Oper, Bockenheimer Landstraße 17/19, 60325 Frankfurt am Main, Đức | Mua bán, xuất nhập khẩu thiết bị, linh kiện vật tư, phụ tùng ô tô xe máy và các hàng hóa liên quan |
| 61 | Công ty TNHH Vinfast Engineering Australia | 100,00% | 51,52% | 65 Fennel Street, Port Melbourne, Victoria, Australia | Thiết kế ô tô & xe máy, Hợp tác nghiên cứu công nghệ, Nhập khẩu và phân phối hàng hóa |
| 62 | Công ty CP Hương Hải- Quảng Ngãi | 101,01% | 68,38% | 33/11, đường Lê Lợi, tổ 9, Phường Chánh Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam | Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Tru sở chính</u> | <u>Nghành nghề</u> |
|------------|--|-----------------------------|--------------------------|--|--|
| 63 | Công ty CP Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart | 67,34% | 67,34% | Lô CN1-06B-1&2 Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Xã Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất thiết bị truyền thông |
| 64 | Công ty TNHH Pin Lithium V-G | 75,00% | 50,50% | Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Sản xuất pin và ắc quy |
| 65 | Công ty CP Vingroup Investment Việt Nam | 100,00% | 51,68% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động tư vấn, đầu tư |
| 66 | Công ty TNHH Vingroup Global | 100,00% | 67,34% | 120 Lower Delta Road, #02-00, Cendex Centre, Singapore | Nhập khẩu phân phối hàng hóa, Hợp tác nghiên cứu công nghệ |
| 67 | Công ty TNHH Vingroup Investment | 90,15% | 60,70% | 120 Lower Delta Road, #02-05, Cendex Centre, Singapore | Nghiên cứu và phát triển thị trường |
| 68 | Công ty TNHH Vingroup Ru | 100,00% | 51,68% | 2nd floor, Room 4, Building 7, 1-ST Kazachiy Lane, City of Moscow, Nga | Bán buôn đồ điện gia dụng |
| 69 | Công ty TNHH Vinsmart Ukraine | 100,00% | 60,70% | 61105, Tòa nhà 15, Zabaikalskuy lane, Vùng Kharkiv, Thành phố Kharkiv, Ukraina | Nghiên cứu và phát triển thị trường |
| 70 | Công ty TNHH Vinsmart Technology | 100,00% | 60,70% | Avenida Paseo de la Reforma 404, Piso 6, Desp. 602, Col. Juarez, Delegación Cuauhtémoc, México | Nghiên cứu và phát triển thị trường |
| 71 | Công ty TNHH Vingroup USA | 100,00% | 51,68% | 333 W. San Carlos St., Suite 600, San Jose, CA 95110, Mỹ | Nhập khẩu và phân phối thiết bị điện tử, viễn thông |
| 72 | Công ty TNHH Vinfast Dealer San Francisco #1 | 100,00% | 51,68% | 790 N. San Mateo Drive, San Mateo, CA 94401, Mỹ | Nhập khẩu và phân phối xe ô tô |
| 73 | Công ty TNHH Vinfast USA Distribution | 100,00% | 51,68% | 333 W. San Carlo Street, Suite 600, San Jose, Mỹ | Nhập khẩu và phân phối xe ô tô |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <i>SII</i> | <i>Tên công ty</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i> | <i>Trụ sở chính</i> | <i>Ngành nghề</i> |
|------------|--|-----------------------------|--------------------------|--|---|
| 74 | Công ty TNHH VinFast Auto Canada | 100,00% | 51,68% | Suite 2600, Three Bentall Centre 595 Burrard Street, P.O. Box 49314, Vancouver Bc V7X 1L3, Canada | Nhập khẩu và phân phối xe ô tô |
| 75 | Công ty TNHH Vinfast France | 100,00% | 51,68% | 95, rue La Boétie 75008, Pháp | Nhập khẩu và phân phối xe ô tô |
| 76 | Công ty TNHH Vinfast trading & Investment | 55,70% | 55,70% | 206 Depot road, #04-52 The Interlace, Singapore | Dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ tài chính khác |
| 77 | Công ty CP Phát Triển Công Nghệ VinTech | 80,00% | 80,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật |
| 78 | Công ty CP giải pháp và dịch vụ công nghệ Vantix | 100,00% | 99,73% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính |
| 79 | Công ty TNHH Dịch vụ An ninh mạng VINCSS | 100,00% | 80,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ |
| 80 | Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Kinh Doanh Phần Mềm VinHMS | 100,00% | 80,10% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất phần mềm |
| 81 | Công ty TNHH Vinbrain | 100,00% | 100,00% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính |
| 82 | Công Ty CP Giải Pháp Công Nghệ Thông Tin Và Hạ Tầng Truyền Dẫn VINITIS | 80,00% | 61,26% | Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan |
| 83 | Công ty CP VIN3S | 100,00% | 86,94% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thiết lập trang thông tin thương mại điện tử |
| 84 | Công ty CP đầu tư Bảo Lai | 96,48% | 69,74% | Số 166 Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|---|-----------------------------|--------------------------|---|--|
| 85 | Công ty TNHH MTV Đá Trắng Bảo Lai | 100,00% | 69,74% | Thôn Hợp Nhất, Xã Trịnh Hưng, Huyện Yên Bình, Yên Bái, Việt Nam | Sản xuất các sản phẩm từ đá trắng |
| 86 | Công ty CP đá cẩm thạch Dốc Trắng | 100,00% | 70,09% | Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |
| 87 | Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch An Phú | 100,00% | 69,74% | Thôn Khau Ca, Xã An Phú, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam | Sản xuất các sản phẩm từ đá trắng |
| 88 | Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản Bảo Lai Lục Yên | 100,00% | 69,74% | Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |
| 89 | Công ty CP khoáng sản Phan Thanh | 100,00% | 69,95% | Thôn Bản Rô, Xã Phan Thanh, Huyện Lục Yên, Yên Bái, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |
| 90 | Công ty TNHH MTV Vạn Khoa Lục Yên | 100,00% | 70,66% | Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Yên Bái, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |
| 91 | Công ty CP Đầu tư Vạn Khoa | 100,00% | 70,66% | Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Yên Bái, Việt Nam | Khai thác khoáng sản |
| 92 | Công ty TNHH kinh doanh và thương mại dịch vụ Vinpro | 100,00% | 100,00% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn, máy tính, phần mềm và thiết bị viễn thông |
| 93 | Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Sinh Thái | 100,00% | 69,29% | Tòa nhà Văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 94 | Công ty CP VINDFS | 80,00% | 56,00% | Ô CC-1 (Phân khu KT-A), khu đô thị Biển An Viên, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 95 | Công ty TNHH Vingroup Myanmar | 100,00% | 60,70% | Hospital street, No. 4B Yankin Township, Yagon, Myanmar | Nghiên cứu và phát triển thị trường |
| 96 | Vinfast Netherlands B.V | 100,00% | 51,68% | Vijzelstraat 68, 1017HL Amsterdam, Hà Lan | Bán và sửa chữa xe, lắp đặt linh kiện xe hơi |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2021

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2021

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u> | <u>Trụ sở chính</u> | <u>Ngành nghề</u> |
|------------|--|-----------------------------|--------------------------|---|---|
| 97 | Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất Vinbiotech (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Vinbiocare) | 69,00% | 69,00% | Tòa nhà văn phòng Techno Park, KĐT Vinhomes Ocean Park., Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu |
| 98 | Công ty CP Serene Land | 100,00% | 89,50% | Số 7, đường Bằng Lăng 1, KĐT sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 99 | Công ty cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng trí tuệ nhân tạo VinAI | 99,87% | 99,87% | Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ |
| 100 | Công ty cổ phần giải pháp năng lượng VinES | 51,00% | 51,00% | Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất pin và ắc quy |
| 101 | Công ty cổ phần Vinbigdata | 99,00% | 99,00% | Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ |
| 102 | Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Sơn Thái | 99,99% | 72,31% | Số 65 đường Hải Phòng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản |
| 103 | Công ty TNHH Bảo Lai Australia | 100,00% | 69,74% | Unit 1, 201 Waverley Road, Mount Waverley Vic 3149 Australia | Kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh; nhập khẩu và phân phối hàng hóa |
| 104 | Công ty cổ phần One Seal | 99,90% | 51,12% | Tầng 3, Tòa văn phòng T26, khu đô thị Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung ứng và quản lý nguồn lao động |
| 105 | Công ty cổ phần giải pháp năng lượng VinES Hà Tĩnh | 50,50% | 25,76% | Tòa nhà Vincom Plaza Hà Huy Tập, Góc ngã tư đường Hà Huy Tập và đường Hàm Nghi, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam | Sản xuất pin và ắc quy |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

PHỤ LỤC 2 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC

<Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020>

| PL | CHỈ TIÊU | Quý III năm 2021 | Quý III năm 2020 | Chênh lệch | % | Đơn vị tính: Triệu VND Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 |
|----|---|---------------------|----------------------|--------------|-------|--|
| | | 30.116.315 4.736 | 35.989.817 76.099 | | | |
| 01 | Tổng doanh thu | 30.116.315 | 35.989.817 | (5.873.502) | -16% | 90.902.514 |
| 02 | Các khoản giảm trừ | 4.736 | 76.099 | (71.363) | | 54.076 |
| 10 | Doanh thu thuần | 30.111.579 | 35.913.718 | (5.802.139) | -16% | 90.848.438 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 18.413.296 | 29.612.674 | (11.199.378) | -38% | 65.408.680 |
| 20 | Lợi nhuận gộp | 11.698.283 | 6.301.044 | 5.397.239 | 86% | 25.439.758 |
| 21 | Doanh thu tài chính | 1.536.362 | 4.693.043 | (3.156.681) | -67% | 12.581.927 |
| 22 | Chi phí tài chính | 2.814.957 | 3.100.654 | (285.697) | -9% | 8.509.922 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | 2.686.664 | 3.003.737 | (317.073) | -11% | 8.016.370 |
| 24 | Phản lãi(lãi) trong công ty liên kết | (11.522) | (88.276) | 76.754 | 87% | (35.910) |
| 25 | Chi phí bán hàng | 1.280.340 | 2.025.864 | (745.524) | -37% | 5.032.069 |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.769.054 | 2.309.420 | 3.459.634 | 150% | 14.661.402 |
| 30 | Lợi nhuận thuần | 3.358.772 | 3.469.873 | (111.101) | -3% | 9.782.382 |
| 31 | Thu nhập khác | 140.254 | 206.201 | (65.947) | -32% | 495.608 |
| 32 | Chi phí khác | 184.460 | 67.511 | 116.949 | 173% | 563.343 |
| 40 | Lãi(Lỗ) khác | (44.206) | 138.690 | (182.896) | -132% | (67.735) |
| 50 | Lợi nhuận trước thuế | 3.314.566 | 3.608.563 | (293.997) | -8% | 9.714.647 |
| 51 | CP thuế TNDN hiện hành | 2.913.077 | 2.808.764 | 104.313 | 4% | 7.621.685 |
| 52 | Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 144.423 | (635.740) | 780.163 | 123% | 366.633 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế | 257.066 | 1.435.539 | (1.178.473) | -82% | 1.726.329 |
| 61 | LN sau thuế của CĐ công ty mẹ | (351.336) | 1.540.067 | (1.891.403) | -123% | 3.192.589 |
| 62 | LN sau thuế của CĐ thiểu số | 608.402 | (104.528) | 712.930 | 682% | (1.466.260) |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | - | - | - | | 986 |

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

PHỤ LỤC 2 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC
<Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020>

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

Doanh thu giảm nhẹ 16% chủ yếu do giảm doanh thu chuyển nhượng BĐS. Giá vốn giảm tương ứng với doanh thu.

Doanh thu tài chính giảm 67% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư. Chi phí tài chính giảm nhẹ 9% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm chi phí lãi vay.

Lỗ trong công ty liên kết giảm do kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Chi phí bán hàng giảm tương ứng với giảm doanh thu. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng chi phí tài trợ từ thiện. Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng so với cùng kỳ năm ngoài chủ yếu do ghi nhận chênh lệch tạm thời trong kỳ.

